

Bản án số: 107/2019/HS-PT

Ngày: 06 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Khánh Hồng

Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 65/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Thùy V và Bùi Minh C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 133/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thùy V, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23/9/1990; Nơi ĐK HKTT: PC 2, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: giáo viên; văn hoá: 12/12; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 56-QĐ/UBKT ngày 29/11/2018 và quyết định số 61-QĐ/UBKT ngày 28/3/2019 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy MK, tỉnh LC; con ông Trần Văn P và bà Phạm Thị T; có chồng là Hoàng Ngọc Đ; có 01 con; tiền án, tiền sự: không có; không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt tại phiên tòa;

2. Bùi Minh C; tên gọi khác: không; sinh ngày 18/8/1978; Nơi cư trú: Thôn D, xã YD, huyện YY, tỉnh NĐ; nơi thường trú: Phòng 212B, K1, phường TC, quận BD, thành phố HN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

không; Nghề nghiệp: giáo viên; Văn hoá: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: không; con ông Bùi Văn T1 và bà Vũ Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị Thu T2; có 02 con; tiền án, tiền sự: không có; không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có 10 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án liên quan đến Phạm Thùy V và Bùi Minh C được tóm tắt như sau:

Đối với Phạm Thùy V: Khoảng cuối năm 2017, Phạm Thùy V là giáo viên trường Trung học cơ sở TNT, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC vào mạng xã hội zalo tìm kiếm thông tin về việc làm chứng chỉ tin học, ngoại ngữ giả thì biết Lê Quang P1 đăng thông tin “chuyên làm chứng chỉ tiếng anh, chứng chỉ tin học”. V gọi điện thoại liên hệ trực tiếp với P1, P1 cho biết chỉ cần gửi thông tin cá nhân, ảnh chân dung và ảnh chứng minh thư nhân dân là P1 có thể làm được các loại chứng chỉ giả với giá là 450.000đ/01 chứng chỉ. V đã nói lại cho những người có nhu cầu làm chứng chỉ biết, ai có nhu cầu làm chứng chỉ tin học và chứng chỉ tiếng Anh thì V làm cho, không phải đi học và không phải đi thi với giá 700.000 đồng/01 chứng chỉ.

Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018 có 10 người gửi ảnh và thông tin cá nhân cho V để mua chứng chỉ giả của trường Đại học sư phạm HN, gồm:

1) Phạm Văn D1 (sinh năm 1986; HKTT: Xóm M 2, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá là 450.000 đồng, 01 chứng chỉ Tin học trình độ B với giá là 450.000 đồng.

2) Nguyễn Thị Kim O (sinh năm 1986; HKTT: Xóm M 2, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng, 01 chứng chỉ Tin học trình độ B với giá 450.000 đồng.

3) Vương Mạnh H (sinh năm 1992; HKTT: Tổ dân phố NB, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng.

4) Hoàng Kim H1 (sinh năm 1979; HKTT: Tổ dân phố SC, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng.

5) Dương Thị D2 (sinh năm 1978; HKTT: Thôn MT 1, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng, 01 chứng chỉ Tin học trình độ B với giá 450.000 đồng.

6) Hoàng Thị T2, (sinh năm 1978; HKTT: PC 2, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng.

7) Trần Yến N (sinh năm 1994; HKTT: Thôn SCH, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng.

8) Trần Ý N (sinh năm 1994; HKTT: Thôn SCH, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng.

9) Thái Hồng H (sinh năm 1975; HKTT: Thôn TL 1, thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng (V chưa thu tiền của H).

10) Nguyễn Ngọc T3 (sinh năm 1987; HKTT: Thôn ĐL, xã KYH, huyện VB, tỉnh LC) mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C với giá 450.000 đồng.

V chuyển thông tin của những người có nhu cầu làm chứng chỉ cho P1, P1 chuyển lại thông tin cho Đỗ Văn C1 và đặt mua của C1 với giá 350.000 đồng/02 chứng chỉ. Khi làm xong chứng chỉ C1 đóng vào phong bì kín, thuê xe ôm đem đến cho P1, P1 bán cho V với giá 450.000 đồng/01 chứng chỉ, V bán cho những người trên với giá 700.000 đồng/01 chứng chỉ. Sau khi nhận được chứng chỉ V thấy chứng chỉ Tin học của D1 và O bị sai thông tin nên đã gửi lại cho P1 để làm lại. V đã giao nộp cho cơ quan Công an 11 chứng chỉ.

Tổng số tiền V đã thu của 9 người trên là 8.400.000 đồng (trường hợp của Vương Mạnh H, V chưa thu tiền). V đã trả cho P1 5.850.000 đồng, P1 trả cho C1 2.100.000 đồng. Ngày 05/7/2018 Phạm Thùy V giao nộp số tiền 2.550.000 đồng cho Cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7820630, vào sổ cấp chứng chỉ số 61/QĐ6088K7HN thể hiện ngày cấp là 22/7/2016, tên người được cấp là Hoàng Thị T2 (ký hiệu C1)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7811277, vào sổ cấp chứng chỉ số 59/QĐ5889K4HN thể hiện ngày cấp là 10/6/2016, tên người được cấp là Thái Hồng H (ký hiệu C2)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7811256, vào sổ cấp chứng chỉ số 59/QĐ5889K4HN thể hiện ngày cấp 10/6/2016, tên người được cấp là Nguyễn Thị Kim O (ký hiệu C3)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7810969, vào sổ cấp chứng chỉ số 61/QĐ6088K7HN thể hiện ngày cấp là 22/7/2016, tên người được cấp Hoàng Kim H1 (ký hiệu C4)

- 01 chứng chỉ Tin học trình độ B có số hiệu A6270540, vào sổ cấp chứng chỉ số 46/QĐ5078K6HN thể hiện ngày cấp 15/7/2016, tên người được cấp Dương Thị D2 (ký hiệu C5)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7811363, vào sổ cấp chứng chỉ số 59/QĐ5889K4HN thể hiện ngày cấp là 10/6/2016, tên người được cấp là Dương Thị D2 (ký hiệu C6)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7811276, vào sổ cấp chứng chỉ số 59/QĐ5889K4HN thể hiện ngày cấp là 10/5/2016, tên người được cấp là Phạm Văn D1 (ký hiệu C7)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7810640, vào sổ cấp chứng chỉ số 61/QĐ6088K7HN thể hiện ngày cấp là 22/7/2016, tên người được cấp là Vương Mạnh H (ký hiệu C8)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7811255, vào sổ cấp chứng chỉ số 59/QĐ5889K4HN thể hiện ngày cấp là 10/6/2016, tên người được cấp là Nguyễn Ngọc T3 (ký hiệu C9)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7811354, vào sổ cấp chứng chỉ số 59/QĐ5889K4HN thể hiện ngày cấp là 10/6/2016, tên người được cấp là Trần Yến N (ký hiệu C10)

- 01 chứng chỉ tiếng Anh trình độ C có số hiệu A7811355, vào sổ cấp chứng chỉ số 59/QĐ5889K4HN thể hiện ngày cấp là 10/6/2016, tên người được cấp là Trần Ý N (ký hiệu C11)

Tất cả các chứng chỉ trên đều thể hiện nơi cấp là Trường Đại học sư phạm HN - Bộ G dục đào tạo, người ký cấp là Hiệu trưởng GS. TS Nguyễn Văn M1.

Tại bản kết luận giám định số 762/KL – PC54 ngày 14/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Các hình dấu, chữ ký trên các tài liệu giám định so với các mẫu dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải do cùng một người ký ra.

Đối với Bùi Minh C: Khoảng cuối năm 2017, Bùi Minh C có nhu cầu làm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm để đi xin việc, C đã lên mạng xã hội tìm kiếm thông tin và quen biết Đỗ Văn C1, C1 nói làm được chứng chỉ mà không phải đi học, không phải đi thi, nên C đã đặt mua của C1 01 chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm với giá 1.000.000 đồng, C nhận được chứng chỉ nH4 không dùng đến, nên

đã vớt đi. Sau đó Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1981; HKTT: 1069 NGT, phường ĐG, quận LB, thành phố HN là Phó giám đốc Công ty cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng ĐM (Công ty ĐM) có trụ sở tại bãi CT, xã YV, huyện GL, thành phố HN có nhu cầu cho công nhân trong Công ty ĐM thi chứng chỉ nghề để hoàn thiện hồ sơ. Do quen biết C nên H2 gọi điện thoại hỏi C về việc thi chứng chỉ nghề cho công nhân trong Công ty của mình. C biết Đỗ Văn C1 làm được tài liệu giả nên C nhận lời làm chứng chỉ cho H2 với lệ phí là 500.000đ/01 chứng chỉ và bảo H2 gửi thông tin của công nhân cho C để đăng ký lớp học, khi nào đi thi C sẽ gọi. H2 lấy số điện thoại của C và cho Nguyễn Thị Hồng A (sinh năm 1983, HKTT: Tổ 11, phường ĐG, quận LB, thành phố HN) là kế toán của Công ty ĐM, bảo Hồng A liên lạc với C. Hồng A đã chụp ảnh chứng minh thư nhân dân của công nhân gửi cho C qua tin nhắn zalo, sau khi có thông tin C liên hệ với Đỗ Văn C1, mua của C1 06 chứng chỉ nghề cho công nhân với giá 300.000 đồng 01 chứng chỉ. Khi trao đổi qua điện thoại C nói với H2 là chứng chỉ thật, nếu công nhân đã biết lái rồi thì chỉ cần đi thi, không phải đi học, C không nói cho H2 biết 06 chứng chỉ sơ cấp nghề vận hành máy công trình giả có đóng dấu giả của Trường cao đẳng nghề quản lý và công nghệ - Bộ lao động thương binh và xã hội là giả. Khi C chuyển chứng chỉ nghề của công nhân cho H2, H2 và Hồng A nhận được chứng chỉ mới biết công nhân chưa được đi thi, nghi là chứng chỉ giả nên H2 bảo chị Hồng A cất đi, không sử dụng. Quá trình điều tra ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1961, HKTT: Tổ 25 phường TT1, quận LB, thành phố HN (bố đẻ của H2) là Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng ĐM đã tự nguyện giao nộp 06 chứng chỉ sơ cấp nghề giả trên cho Cơ quan Công an.

Khi làm 06 chứng chỉ giả trên, C thu số tiền 3.000.000 đồng, C trả cho C1 1.800.000 đồng. Ngày 04/7/2018 C đã giao nộp 1.200.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chứng chỉ sơ cấp nghề có số hiệu 06658, vào sổ cấp chứng chỉ số 21756/VH thể hiện ngày cấp là 20/6/2017, tên người được cấp chứng chỉ là Nguyễn Quang H3 (ký hiệu B1).

- 01 chứng chỉ sơ cấp nghề có số hiệu 06667, vào sổ cấp chứng chỉ số 21776/VH thể hiện ngày cấp là 20/6/2017, tên người được cấp chứng chỉ là Phùng Quang H4 (ký hiệu B2).

- 01 chứng chỉ sơ cấp nghề có số hiệu 06650, vào sổ cấp chứng chỉ số 21752/VH thể hiện ngày cấp là 20/6/2017, tên người được cấp chứng chỉ là Đặng Đức G (ký hiệu B3).

- 01 chứng chỉ sơ cấp nghề có số hiệu 06663, vào sổ cấp chứng chỉ số 21778/VH thể hiện ngày cấp là 20/6/2017, tên người được cấp chứng chỉ là Ngô Văn H4 (ký hiệu B4).

- 01 chứng chỉ sơ cấp nghề có số hiệu 06663, vào sổ cấp chứng chỉ số 21770/VH thể hiện ngày cấp là 20/6/2017, tên người được cấp chứng chỉ là Ngô Trí T4 (ký hiệu B5)

- 01 chứng chỉ sơ cấp nghề có số hiệu 06780, vào sổ cấp chứng chỉ số 22018/CN thể hiện ngày cấp là 20/6/2017, tên người được cấp chứng chỉ là Ngô Trí T4 (ký hiệu B6).

Các chứng chỉ này đều thể hiện nơi cấp là Trường cao đẳng nghề quản lý và công nghệ - Bộ lao động thương binh và xã hội, người ký cấp là Hiệu trưởng Nguyễn Văn H5.

Xác minh tại Trường cao đẳng nghề quản lý và công nghệ - Bộ lao động thương binh và xã hội xác định không cấp chứng chỉ sơ cấp nghề cho Nguyễn Quang H3, Phùng Quang H4, Đặng Đức G, Ngô Trí T4, Ngô Văn H4, Trần Xuân H1 như nêu trên.

Tại bản Kết luận giám định số 716/KL – PC54 ngày 8/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Các hình dấu, chữ ký trên các tài liệu giám định so với các mẫu dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 133/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Phạm Thùy V, Bùi Minh C phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thùy V 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh C 36 (ba mươi

sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 18/4/2019, các bị cáo Bùi Minh C và Phạm Thùy V có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương để tiếp tục được công tác và có điều kiện chăm sóc gia đình và con còn nhỏ, các bị cáo khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

Phân kết luận tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, vai trò của các bị cáo trong vụ án. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tham gia đồng phạm với vai trò thứ yếu. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Bùi Minh C và Phạm Thùy V cung cấp biên lai nộp số tiền phạt bổ sung của bản án sơ thẩm; bị cáo C có bố để được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sỹ giải phóng, đề nghị cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi công tác và nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thùy V và Bùi Minh C, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án 36 tháng tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận gì. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, đối chiếu với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018, C1 làm và bán cho Lê Quang P1 và Phạm Thùy V 13 chứng chỉ giả của trường Đại học sư phạm HN, V bán cho 10 người, số chứng chỉ thu giữ được của V là 11 chứng chỉ. Tổng số tiền V đã thu của 9 người là 8.400.000 đồng, V trả cho P1 5.850.000 đồng, P1 trả cho C1 2.100.000 đồng.

Khoảng cuối năm 2017, C1 đã làm và bán cho Bùi Minh C 06 chứng chỉ sơ cấp nghề của Trường cao đẳng nghề quản lý và công nghệ - Bộ lao động thương binh và xã hội; C giao cho Nguyễn Thị Thu H2, phó giám đốc Công ty ĐM để đưa vào hồ sơ của công nhân trong công ty, thu số tiền 3.000.000 đồng, C trả cho C1 1.800.000 đồng. Nguyễn Thị Thu H2 không biết việc C làm chứng chỉ giả và chưa sử dụng các chứng chỉ giả nêu trên. Ngoài ra C còn khai nhờ C1 làm 01 chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giả mang tên C với giá 1.000.000 đồng, nhưng không thu hồi được.

Bùi Minh C hưởng lợi bất chính 1.200.000 đồng; Phạm Thùy V hưởng lợi bất chính 2.550.000 đồng.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này Đỗ Văn C1 là người trực tiếp mua phôi bằng, chứng chỉ, mẫu dấu giả, trực tiếp làm toàn bộ các chứng chỉ, tài liệu giả thông qua Lê Quang P1 và các bị cáo khác tiêu thụ văn bằng, chứng chỉ, bằng điểm giả với số lượng lớn tại nhiều địa phương, nhằm thu lợi bất chính, C1 phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bùi Minh C, Phạm Thùy V là người liên hệ với C1, P1 để đặt làm chứng chỉ và thu tiền của những người có nhu cầu sử dụng giấy tờ tài liệu giả sau đó cung cấp thông tin cho P1, C1 để C1 thực hiện hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu nhằm thu lợi bất chính. Các bị cáo V, C tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm.

Trong đó: Bùi Minh C làm 06 chứng chỉ sơ cấp nghề giả của Trường cao đẳng nghề quản lý và công nghệ - Bộ lao động thương binh và xã hội. Phạm Thùy V làm một lần 11 chứng chỉ giả. Do đó các bị cáo Bùi Minh C và Phạm Thùy V bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước, tạo dư luận xấu trong xã hội. Các bị cáo Phạm Thùy V và Bùi Minh C có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng

số tiền được hưởng lợi không lớn (V hưởng lợi 2.550.000đ; C được hưởng lợi 1.200.000đ) ngay sau khi vụ án bị phát hiện đã tự giác giao nộp toàn bộ số tiền được hưởng lợi. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thùy V và Bùi Minh C cung cấp biên lai thu khoản tiền nộp phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm; bị cáo C có bố để được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng C1, vì vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo V và C đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và nơi làm việc ổn định (có xác nhận của cơ quan). Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, các bị cáo tham gia đồng phạm có vị trí vai trò thứ yếu trong vụ án, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Căn cứ các quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy các bị cáo có đủ các điều kiện để được hưởng án treo, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Thùy V và Bùi Minh C, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và cơ quan nơi các bị cáo đang công tác, cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận

[5]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thùy V và Bùi Minh C, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 133/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thùy V và Bùi Minh C phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thùy V 36 (ba

mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Minh C 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thùy V cho Ủy ban nhân dân thị trấn MK, huyện MK, tỉnh LC giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo Bùi Minh C cho Ủy ban nhân dân phường TC, quận BD, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Thùy V, Bùi Minh C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 133/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- TAND, VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Công an TPTN;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Minh Tuấn